

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN VILG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI
(Kỳ báo cáo tháng 10/2021)

Căn cứ Sở tay hướng dẫn thực hiện dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai; Quyết định số 826/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động và Kế hoạch tài chính năm 2021 dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai” (Dự án VILG), thực hiện tại tỉnh Quảng Ngãi. Ban Quản lý dự án VILG Quảng Ngãi (gọi tắt là Ban Quản lý) báo cáo kết quả thực hiện Dự án VILG tháng 10/2021, như sau:

1. Kết quả thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai

Tính lũy kế đến ngày 24/10/2021, khối lượng công việc thực hiện trên địa bàn 08 huyện, thành phố, gồm: Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Minh Long, Ba Tơ, Trà Bồng, Lý Sơn và thành phố Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

a. Xây dựng CSDL địa chính:

Ước khối lượng thực hiện trên địa bàn 08 huyện, thành phố đạt 48,07 % so với thiết kế kỹ thuật - dự toán được duyệt (trong đó: Thành phố: 74,91 %, Sơn Tịnh: 48,85 %, Tư Nghĩa: 30,08 %, Nghĩa Hành: 30,51 %, Minh Long: 42,13 %, Ba Tơ: 29,83 %, Trà Bồng: 48,14 % và Lý Sơn: 11,67 %), gồm các công việc sau:

- **Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền:** Khối lượng đã thực hiện 70/95 xã, phường, thị trấn, đạt 73,37 % so với thiết kế kỹ thuật - dự toán được duyệt. Trong đó:

+ Thành phố Quảng Ngãi: 16/23 xã, phường, đạt 69,57 %;

+ Huyện Sơn Tịnh: 11/11 xã, đạt 100 %;

+ 06 huyện chuyển đổi đã thực hiện đạt 70 % so với thiết kế kỹ thuật - dự toán được duyệt, gồm các huyện: Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Minh Long, Ba Tơ, Trà Bồng và Lý Sơn.

- **Xây dựng dữ liệu địa chính:** Khối lượng đã thực hiện tại 02/08 huyện, thành phố được 454.393 thửa đất, đạt 37,19 % so với thiết kế kỹ thuật - dự toán được duyệt. Trong đó:

+ Thành phố Quảng Ngãi: 229.078 thửa đất, đạt 82,66 %;

+ Huyện Sơn Tịnh: 225.315 thửa đất, đạt 94,26 %.

- **Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin:** Khối lượng đã thực hiện tại 07/8 huyện, thành phố được 546.597 thửa đất (gồm: 1.091.842 trang A3, 1.517.186 trang A4), đạt 65,53 % so với thiết kế kỹ thuật - dự toán được duyệt. Trong đó:

+ Thành phố Quảng Ngãi: 232.186 thửa đất (gồm: 371.573 trang A3, 485.763 trang A4), đạt 97,01 %;

+ Huyện Sơn Tịnh: 56.727 thửa đất (gồm: 177.545 trang A3, 277.050 trang A4), đạt 45,65 %;

+ Huyện Tư Nghĩa: 51.874 thửa đất (gồm: 109.258 trang A3, 109.258 trang A4), đạt 50,51 %;

+ Huyện Nghĩa Hành: 40.301 thửa đất (gồm: 120.886 trang A3, 120.886 trang A4), đạt 61,66 %;

+ Huyện Minh Long: 53.293 thửa đất (gồm: 86.592 trang A3, 86.592 trang A4), đạt 72,01 %;

+ Huyện Ba Tư: 71.915 thửa đất (gồm: 150.682 trang A3, 362.331 trang A4), đạt 64,08 %;

+ Huyện Trà Bồng: 40.301 thửa đất (gồm: 75.306 trang A3, 3275.306 trang A4), đạt 93,62 %;

+ Huyện Lý Sơn: Chưa thực hiện.

- **Xây dựng dữ liệu thuộc tính địa chính:** Khối lượng đã thực hiện tại 02/08 huyện, thành phố được 189.639 thửa đất (gồm: 188.898 thửa đất loại A, 741 thửa đất loại B và D), đạt 47,78 % so với thiết kế kỹ thuật - dự toán được duyệt. Trong đó:

+ Thành phố Quảng Ngãi: 136.813 (gồm: 136.072 thửa đất loại A, 741 thửa đất loại B và D) thửa đất, đạt 82,85 %;

+ Huyện Sơn Tịnh: 52.826 (thửa đất loại A), đạt 28,34 %.

(Chi tiết có Biểu số liệu xây dựng CSDL địa chính kèm theo)

b. Xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê đất đai; CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và CSDL giá đất: Các đơn vị thi công đang phối hợp với các Phòng, đơn vị thuộc Sở để thu thập bổ sung tài liệu, chưa có khối lượng cụ thể.

c. Trong tháng 10, đơn vị thi công đã giao nộp sản phẩm cơ sở dữ liệu địa chính của 03 xã, phường thuộc thành phố Quảng Ngãi (gồm: Nghĩa Chánh, Nghĩa Đông và Tịnh Ấn Tây). Ban Quản lý đã đôn đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh khẩn trương tổ chức đối soát, tích hợp dữ liệu vào hệ thống và thực hiện ký sổ địa chính điện tử của các xã, phường nêu trên để tổ chức nghiệm thu và đưa dữ liệu vào vận hành.

2. Tình hình triển khai các nhiệm vụ được giao trong tháng 10/2021

- Về công tác triển khai phần mềm xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai: Trên cơ sở Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai vận hành Hệ thống thông tin đất đai VBDLIS thuộc dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”, thực hiện tại tỉnh Quảng Ngãi. Ban Quản lý tham mưu Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch số 5021/KH-STNMT ngày 19/10/2021. Trên cơ sở đó, Ban Quản lý tổ chức triển khai thực hiện các nội dung để phục vụ công tác thẩm định, nghiệm thu cơ sở dữ liệu và vận hành Hệ thống thông tin đất đai VBDLIS trong thời gian đến.

- Về tiến độ mua sắm gói thầu “Trang bị thiết bị cho MPLIS cấp tỉnh”:

Trên cơ sở hướng dẫn của Ban Quản lý dự án VILG cấp Trung ương tại Công văn số 200/BQLDAVILG-ĐT ngày 24/9/2021, Ban Quản lý tham mưu Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản đề nghị Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí trang thiết bị mua sắm hàng hóa “Trang bị thiết bị MPLIS cấp tỉnh” và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt dự toán tại Quyết định số 1607/QĐ-UBND ngày 14/10/2021. Trên cơ sở đó, Ban Quản lý tham mưu Sở Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 5195/TTr-STNMT ngày 28/10/2021, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu để triển khai các thủ tục tiếp theo.

- Về nội dung điều chỉnh địa điểm và kinh phí thực hiện dự án

Trên cơ sở nội dung Công văn số 5234/BTNMT-KHTC ngày 25/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về các nội dung điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai, sử dụng vốn vay WB; đồng thời, qua trao đổi với Ban Quản lý dự án VILG cấp Trung ương về kết quả thực hiện dự án, Ban Quản lý tham mưu Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND tỉnh có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, điều chỉnh các nội dung trong Báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án VILG, thực hiện tại tỉnh Quảng Ngãi; được UBND tỉnh thống nhất tại Công văn số 5700/UBND-NNTN ngày 28/10/2021.

Theo đó, trường hợp dự án được tái cấu trúc và gia hạn đến tháng 6 năm 2023, địa phương đề nghị điều chỉnh số huyện xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai là 10 huyện, trong đó: 04 huyện xây dựng mới, gồm: Sơn Tịnh, Mộ Đức, thành phố Quảng Ngãi, thị xã Đức Phổ và 06 huyện chuyển đổi, gồm: Trà Bồng, Tư Nghĩa, Minh Long, Nghĩa Hành, Ba Tơ và Lý Sơn; đồng thời, đề nghị vẫn giữ nguyên tổng mức kinh phí thực hiện dự án ban đầu.

3. Tình hình thực hiện giải ngân vốn vay lại ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ

Trong tháng 10, Ban Quản lý không phát sinh giải ngân vốn vay lại ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ. Về kết quả giải ngân đến hết tháng 10/2021 theo nội dung Báo cáo số 88/BC-BQLDAVILG ngày 30/9/2021 của Ban Quản lý dự án VILG tỉnh Quảng Ngãi.

Ban Quản lý dự án VILG tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Quảng Ngãi;
- BQL dự án VILG cấp TW;
- Các Sở: Tài chính, KH&ĐT;
- Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- GD, PGD BQLDA VILG;
- Lưu: BQL.



Đinh Trọng Thành
CHÁNH VĂN PHÒNG

SỐ LIỆU XÂY DỰNG CSDL ĐỊA CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI
SỐ LIỆU XÂY DỰNG CSDL ĐỊA CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI
 (Kèm theo Báo cáo số 99/BC-BQLĐAVILG ngày 02/11/2021 của Ban Quản lý dự án VILG tỉnh Quảng Ngãi)



STT	Cấp huyện	Kết quả xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính												Ước khối lượng đã thực hiện (%)				
		Dữ liệu không gian đất đai				Dữ liệu thuộc tính đất đai				Dữ liệu địa chính								
		Dữ liệu không gian đất đai		Dữ liệu địa chính		Các dữ liệu khác liên quan tới thửa đất		Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tập tin		Dữ liệu địa chính		Lũy kế đến ngày						
		Lũy kế đến ngày	Lũy kế đến ngày	Lũy kế đến ngày	Lũy kế đến ngày	Lũy kế đến ngày	Lũy kế đến ngày	Lũy kế đến ngày	Lũy kế đến ngày	Lũy kế đến ngày	Lũy kế đến ngày	Lũy kế đến ngày	Lũy kế đến ngày					
		24/10/2021		24/10/2021		24/10/2021		24/10/2021		24/10/2021		24/10/2021						
		Xã	Tổng số xã	%	Tổng thửa	%	Tổng thửa	Tổng trung	Trong đó:	A3	A4	%	Tổng thửa	A	B và D	C	E	%
I	Xây mới CSDL	27,0	34	79,41%	454.393	93,10%	288.913	1.311.930	549.118	762.813	71,54%	189.639	188.898	741	0	0	53,95%	61,11%
1	TP Quảng Ngãi	16,0	23	69,57%	229.078	82,66%	232.186	857.335	371.573	485.763	97,01%	136.813	136.072	741	0	0	82,85%	74,91%
2	Sơn Tịnh	11,0	11	100%	225.315	94,26%	56.727	454.595	177.545	277.050	45,65%	52.826	52.826	0	0	0	28,34%	48,85%
II	Chuyển đổi CSDL	42,7	61	70%	0	0%	257.684	1.297.097	542.724	754.373	60,40%	0	0	0	0	0	0%	31,82%
3	Tư Nghĩa	9,8	14	70%	0	0%	51.874	218.516	109.258	109.258	50,51%	0	0	0	0	0	0%	30,08%
4	Nghĩa Hành	8,4	12	70%	0	0%	40.301	241.772	120.886	120.886	61,66%	0	0	0	0	0	0%	30,51%
5	Minh Long	3,5	5	70%	0	0%	53.293	173.184	86.592	86.592	72,01%	0	0	0	0	0	0%	42,13%
6	Ba Tư	13,3	19	70%	0	0%	71.915	513.013	150.682	362.331	64,08%	0	0	0	0	0	0%	29,83%
7	Trà Bồng	7,0	10	70%	0	0%	40.301	150.612	75.306	75.306	93,62%	0	0	0	0	0	0%	48,14%
8	Lý Sơn	0,7	1	70%	0	0%	0	0	0	0	0,00%	0	0	0	0	0	0%	11,67%
	TỔNG (I+II)	70	95	73,37%	454.393	37,19%	546.597	2.609.027	1.091.842	1.517.186	65,53%	189.639	188.898	741	0	0	47,78%	48,07%